

Phụ lục**DỰ KIẾN SỐ NGƯỜI CAO TUỔI CHƯA CÓ THẺ BẢO HIỂM Y TẾ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK**

Stt	Đơn vị	NCT chưa có thẻ BHYT (người)	Số tiền mua thẻ BHYT/01 NCT	Thành tiền
1	Phường Buôn Ma Thuật	2,122	1,366,200	2,899,076,400
2	Phường Tân An	209	1,366,200	285,535,800
3	Phường Tân Lập	956	1,366,200	1,306,087,200
4	Phường Thành Nhất	934	1,366,200	1,276,030,800
5	Phường Ea Kao	5,210	1,366,200	7,117,902,000
6	Xã Hòa Phú	397	1,366,200	542,381,400
7	Phường Buôn Hồ	4,033	1,366,200	5,509,884,600
8	Phường Cư Bao	650	1,366,200	888,030,000
9	Xã Ea Drông	0		0
10	Xã Ea Súp	0		0
11	Xã Ea Rôk	0		0
12	Xã Ea Bung	0		0
13	Xã Ia Lốp	0		0
14	Xã Ia Rvê	0		0
15	Xã Ea Wer	0		0
16	Xã Ea Nuôl	70	1,366,200	95,634,000
17	Xã Buôn Đôn	0		0
18	Xã Quảng Phú	722	1,366,200	986,396,400
19	Xã Ea Kiệt	0	0	0
20	Xã Ea M'Droh	0	0	0
21	Xã Cưôr Đăng	740	1,366,200	1,010,988,000
22	Xã Cư M'gar	1,303	1,366,200	1,780,158,600
23	Xã Ea Tul	366	1,366,200	500,029,200
24	Xã Pong Drang	339	1,366,200	463,141,800
25	Xã Krông Búk	232	1,366,200	316,958,400
26	Xã Cư Pong	896	1,366,200	1,224,115,200
27	Xã Ea H'Leo	563	1,366,200	769,170,600
28	Xã Ea Khăl	871	1,366,200	1,189,960,200
29	Xã Ea Drăng	798	1,366,200	1,090,227,600
30	Xã Ea Wy	0	0	0
31	Xã Ea Hiao	0	0	0
32	Xã Krông Năng	35	1,366,200	47,817,000
33	Xã Dliê Ya	0	0	0
34	Xã Tam Giang	0	0	0
35	Xã Phú Xuân	0	0	0
36	Xã Krông Pắc	518	1,366,200	707,691,600

37	Xã Ea Knuéc	180	1,366,200	245,916,000
38	Xã Tân Tiến	0	0	0
39	Xã Ea Phê	431	1,366,200	588,832,200
40	Xã Ea Kly	561	1,366,200	766,438,200
41	Xã Vụ Bôn	0	0	0
42	Xã Ea Kar	7,222	1,366,200	9,866,696,400
43	Xã Ea Ô	0	0	0
44	Xã Ea Knóp	0	0	0
45	Xã Cư Yang	0	0	0
46	Xã Ea Păl	0	0	0
47	Xã M'Drăk	0	0	0
48	Xã Ea Riêng	0	0	0
49	Xã Cư M'ta	0	0	0
50	Xã Krông Á	0	0	0
51	Xã Cư Prao	0	0	0
52	Xã Ea Trang	0	0	0
53	Xã Krông Bông	0	0	0
54	Xã Hòa Sơn	0	0	0
55	Xã Dang Kang	0	0	0
56	Xã Yang Mao	0	0	0
57	Xã Cư Pui	0	0	0
58	Xã Liên Sơn Lắc	0	0	0
59	Xã Đăk Liêng	0	0	0
60	Xã Nam Ka	0	0	0
61	Xã Đăk Phoi	0	0	0
62	Xã Krông Nô	0	0	0
63	Xã Ea Ning	79	1,366,200	107,929,800
64	Xã Dray Bhang	647	1,366,200	883,931,400
65	Xã Ea Ktur	977	1,366,200	1,334,777,400
66	Xã Krông Ana	486	1,366,200	663,973,200
67	Xã Dur Kmăl	173	1,366,200	236,352,600
68	Xã Ea Na	202	1,366,200	275,972,400
69	Phường Tuy Hòa	3,925	1,366,200	5,362,335,000
70	Phường Phú Yên	6,162	1,366,200	8,418,524,400
71	Phường Bình Kiến	3,703	1,366,200	5,059,038,600
72	Phường Xuân Đài	191	1,366,200	260,944,200
73	Phường Sông Cầu	579	1,366,200	791,029,800
74	Xã Xuân Thọ	124	1,366,200	169,408,800
75	Xã Xuân Cảnh	264	1,366,200	360,676,800
76	Xã Xuân Lộc	270	1,366,200	368,874,000
77	Phường Đông Hòa	5,210	1,366,200	7,117,902,000
78	Phường Hòa Hiệp	4,845	1,366,200	6,619,239,000

79	Xã Hòa Xuân	2,179	1,366,200	2,976,949,800
80	Xã Tuy An Bắc	2,275	1,366,200	3,108,105,000
81	Xã Tuy An Đông	3,549	1,366,200	4,848,643,800
82	Xã Ô Loan	1,138	1,366,200	1,554,735,600
83	Xã Tuy An Nam	2,800	1,366,200	3,825,360,000
84	Xã Tuy An Tây	0	0	0
85	Xã Phú Hòa 1	3,531	1,366,200	4,824,052,200
86	Xã Phú Hòa 2	1,764	1,366,200	2,409,976,800
87	Xã Tây Hòa	3,469	1,366,200	4,739,347,800
88	Xã Hòa Thịnh	2,081	1,366,200	2,843,062,200
89	Xã Hòa Mỹ	0	0	0
90	Xã Sơn Thành	0	0	0
91	Xã Sơn Hòa	0	0	0
92	Xã Vân Hòa	0	0	0
93	Xã Tây Sơn	0	0	0
94	Xã Suối Trai	0	0	0
95	Xã Ea Ly	0	0	0
96	Xã Ea Bá	0	0	0
97	Xã Đức Bình	0	0	0
98	Xã Sông Hinh	0	0	0
99	Xã Xuân Lãnh	0	0	0
100	Xã Phú Mỹ	0	0	0
101	Xã Xuân Phước	0	0	0
102	Xã Đồng Xuân	0	0	0
Tổng cộng		80,981	1,366,200	110,636,242,200